Sao y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 24/07/2026; 09:36:57; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3663/KH-UBND	*Quảng Trị, ngày 24 tháng 7 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện lộ trình đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cho các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan; căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cho các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ môi trường về đầu tư, hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp; bảo đảm thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp; tạo điều kiện thu hút đầu tư, nâng cao tỷ lệ lấp đầy, phát triển công nghiệp theo hướng bền vững.

- Làm cơ sở để xây dựng danh mục dự án, bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư hạ tầng môi trường các cụm công nghiệp.

2. Yêu cầu

- Việc đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch phát triển cụm công nghiệp và các quy hoạch có liên quan.

- Ưu tiên đầu tư đối với các cụm công nghiệp đang hoạt động có lưu lượng nước thải phát sinh lớn, tiềm ẩn nguy cơ tác động đến môi trường, chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc hệ thống hiện có đã xuống cấp, hư hỏng; đồng thời đáp ứng các điều kiện pháp lý và khả năng triển khai đầu tư theo quy định.

- Bảo đảm đầu tư đồng bộ giữa hệ thống thu gom nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống quan trắc môi trường và công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; bảo đảm các cụm công nghiệp hoạt động đáp ứng yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường, góp phần thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đối với các cụm công nghiệp thuộc đối tượng phải đầu tư theo quy định.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, vận hành, đấu nối và giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc xác định danh mục và thứ tự ưu tiên

Việc xác định danh mục và thứ tự ưu tiên đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cho các cụm công nghiệp được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Ưu tiên các cụm công nghiệp đang hoạt động có lưu lượng nước thải phát sinh lớn, tiềm ẩn nguy cơ tác động đến môi trường và thuộc đối tượng phải đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên các cụm công nghiệp đã được thành lập theo quy định, có tỷ lệ lấp đầy và nhu cầu phát sinh nước thải phù hợp với quy mô đầu tư; đã hoàn thiện cơ bản các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và có quỹ đất để bố trí công trình xử lý nước thải tập trung.

- Ưu tiên các dự án có tính khả thi cao về nguồn vốn đầu tư, điều kiện triển khai xây dựng, quản lý vận hành và khả năng đấu nối, thu gom nước thải của các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp.

- Không đưa vào danh mục ưu tiên đầu tư đối với các cụm công nghiệp thuộc trường hợp đặc thù quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ hoặc các cụm công nghiệp chưa đáp ứng điều kiện pháp lý để triển khai dự án đầu tư.

2. Danh mục ưu tiên đầu tư

a) Nhóm ưu tiên giai đoạn 2026-2028

- Đầu tư cho cụm công nghiệp Lộc Ninh: 9.897 triệu đồng.

- Đầu tư cho cụm công nghiệp Cam Hiếu: 17.311,7 triệu đồng (đường gom và thoát nước thải: 4.211,4 triệu đồng, hệ thống xử lý và chi phí khác: 13.100,3 triệu đồng).

- Đầu tư hoàn thiện, nâng cấp và đưa vào vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Đông Ái Tử: 2.048 triệu đồng. Cụm công nghiệp đã được phân bổ đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cho giai đoạn 1; nay bổ sung đầu tư hoàn thiện cho giai đoạn 2.

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho cụm công nghiệp Ái Tử: 9.824,2 triệu đồng (đường gom và thoát nước thải: 2.433,5 triệu đồng, hệ thống xử lý và chi phí khác: 7.390,7 triệu đồng).

- Đầu tư cho cụm công nghiệp Đông Lễ: 6.326,5 triệu đồng (đường gom và thoát nước thải: 1.955,4 triệu đồng, hệ thống xử lý và chi phí khác: 4.371,1 triệu đồng).

- Đầu tư cho cụm công nghiệp Hải Chánh: 13.130 triệu đồng (đường gom và thoát nước thải: 6.060 triệu đồng, hệ thống xử lý và chi phí khác: 7.070 triệu đồng).

- Đầu tư cho cụm công nghiệp Hải Lệ: 16.250 triệu đồng (đường gom và thoát nước thải: 7.305 triệu đồng, hệ thống xử lý và chi phí khác: 8.945 triệu đồng).

- Đầu tư cho cụm công nghiệp Krông Klang: 10.151,6 triệu đồng (đường gom và thoát nước thải: 5.555,6 triệu đồng, hệ thống xử lý và chi phí khác: 4.596 triệu đồng).

Tổng nhu cầu kinh phí đầu tư giai đoạn 2026 - 2028: **84.939** triệu đồng.

b) Nhóm ưu tiên giai đoạn 2029 - 2030

- Đầu tư cho cụm công nghiệp 9D: 9.362,6 triệu đồng (đường gom và thoát nước thải: 4.252,2 triệu đồng, hệ thống xử lý và chi phí khác: 5.110,4 triệu đồng).

Tổng nhu cầu kinh phí đầu tư giai đoạn 2029 - 2030: **9.362,6** triệu đồng.

3. Danh mục không ưu tiên đầu tư

Các cụm công nghiệp này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP hoặc chưa có đầy đủ thủ tục pháp lý.

a) Khu vực phía Nam (05 cụm công nghiệp)

- Cụm công nghiệp Cầu Lòn - Bàu De có lượng nước thải phát sinh nhỏ hơn 100 m^3/ngày, chưa có đầy đủ thủ tục pháp lý theo quy định.

- Cụm công nghiệp Hướng Tân có tỷ lệ lấp đầy thấp, lượng nước thải phát sinh nhỏ hơn 100 m^3/ngày, chưa có đầy đủ thủ tục pháp lý theo quy định.

- Cụm công nghiệp Cam Tuyền có tỷ lệ lấp đầy thấp, chưa có đầy đủ thủ tục pháp lý theo quy định.

- Cụm công nghiệp Phường 4 có tỷ lệ lấp đầy thấp, lượng nước thải phát sinh nhỏ hơn 100 m^3/ngày, không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường.

- Cụm công nghiệp Cam Thành có tỷ lệ lấp đầy cao, lượng nước thải phát sinh nhỏ hơn 100 m^3/ngày, không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường.

b) Khu vực phía Bắc (08 Cụm công nghiệp*)*

- Các cụm công nghiệp: Bắc Nghĩa, Phú Hải, Nghĩa Ninh, Quán Hàu, Cảnh Dương, Hồng Hóa đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; do đó không bắt buộc đầu tư mới hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các cơ sở thứ cấp trong cụm công nghiệp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Trong đó, cụm công nghiệp Phú Hải không đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường.

- Cụm công nghiệp Lưu Thuận có tỷ lệ lấp đầy thấp (19%) và lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 62,8 m^3/ngày, nhỏ hơn 100 m^3/ngày; chưa được thành lập theo quy định của pháp luật nên thuộc trường hợp không bắt buộc đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định hiện hành.

- Cụm công nghiệp Yên Hóa có tỷ lệ lấp đầy 68,6%, tổng lượng nước thải phát sinh theo dự báo khoảng 118 m^3/ngày, tuy nhiên cụm công nghiệp chưa được thành lập theo quy định của pháp luật. Mặc dù chưa thuộc trường hợp được miễn hoàn toàn nghĩa vụ đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, song với quy mô hiện trạng và định hướng phát triển trong thời gian tới, cần tiếp tục theo dõi tốc độ thu hút đầu tư, mức độ gia tăng lượng nước thải để xem xét lộ trình đầu tư phù hợp, tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc bố trí vốn

Việc đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung các cụm công nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc Nhà nước và doanh nghiệp cùng tham gia đầu tư; ưu tiên bố trí vốn đối với các cụm công nghiệp có lưu lượng nước thải phát sinh lớn, thuộc đối tượng phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đã hoàn thiện cơ bản thủ tục pháp lý và có khả năng triển khai đầu tư.

Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch được huy động từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn của chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương

a) Ngân sách tỉnh

- Bố trí vốn để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp thuộc danh mục ưu tiên đầu tư của Kế hoạch.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, có mặt bằng triển khai, bảo đảm điều kiện giải ngân theo quy định.

- Hỗ trợ đầu tư đối với các cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư hạ tầng hoặc các cụm công nghiệp thuộc địa bàn khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo khả năng cân đối ngân sách.

b) Ngân sách cấp xã

- Hằng năm, căn cứ hiện trạng hạ tầng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn, UBND cấp xã tổ chức rà soát, xây dựng phương án đầu tư, xác định nhu cầu kinh phí, đề xuất danh mục dự án gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét.

- Chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có), đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phụ trợ hoặc các nội dung khác thuộc trách nhiệm của địa phương.

- Phối hợp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để thực hiện các dự án hạ tầng bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp.

3. Nguồn vốn ngân sách trung ương

Chủ động tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển hạ tầng kỹ thuật, chương trình tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và các chương trình, dự án khác có liên quan để hỗ trợ đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp.

4. Nguồn vốn của chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và doanh nghiệp

- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có trách nhiệm bố trí nguồn vốn đầu tư, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và chi trả giá dịch vụ thu gom, xử lý nước thải theo quy định.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia góp vốn đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo hình thức xã hội hóa.

5. Nguồn vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác

Đối với các cụm công nghiệp có quy mô lớn, khả năng thu hồi vốn và nhu cầu xử lý nước thải ổn định, khuyến khích nghiên cứu áp dụng hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); đồng thời huy động các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn tài trợ, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tham mưu UBND tỉnh trong việc rà soát, xác định danh mục, thứ tự ưu tiên đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; việc đấu nối, thu gom, xử lý nước thải và vận hành các công trình bảo vệ môi trường sau khi hoàn thành đầu tư.

2. Sở Công Thương

- Chủ trì theo dõi tình hình phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; rà soát hiện trạng hoạt động, tỷ lệ lấp đầy, nhu cầu mở rộng và phát triển cụm công nghiệp. Định kỳ tổng hợp tình hình phát triển cụm công nghiệp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đề xuất danh mục, thứ tự ưu tiên đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trong quá trình triển khai phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện trách nhiệm đầu tư, quản lý và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn cho các dự án thuộc danh mục ưu tiên của Kế hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình, dự án có liên quan; nghiên cứu, đề xuất cơ chế huy động các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường các cụm công nghiệp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và các cơ quan liên quan tham mưu cơ chế hỗ trợ đầu tư, cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định có liên quan.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

4. UBND các xã, phường

- Tổ chức rà soát hiện trạng hạ tầng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn; đánh giá nhu cầu đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và các công trình bảo vệ môi trường có liên quan.

- Chủ trì xây dựng phương án đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn; xác định nhu cầu sử dụng đất, quy mô công trình, nhu cầu kinh phí và lộ trình thực hiện; gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đề xuất danh mục dự án và nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn, vốn đầu tư công hằng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các dự án hạ tầng bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp theo quy định.

- Bố trí quỹ đất, tổ chức giải phóng mặt bằng (nếu có), tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và quản lý, vận hành công trình sau khi hoàn thành.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; việc đấu nối của các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp

- Chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo lộ trình của Kế hoạch.

- Bố trí nguồn lực tài chính, quỹ đất và các điều kiện cần thiết để triển khai các dự án đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường trong cụm công nghiệp.

- Tổ chức quản lý, vận hành, bảo dưỡng công trình xử lý nước thải tập trung sau khi hoàn thành; bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra môi trường.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom tập trung; kiểm soát chất lượng nước thải theo quy định.

- Thực hiện chế độ quan trắc, báo cáo môi trường và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các sự cố môi trường phát sinh.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình phát triển cụm công nghiệp, khả năng cân đối nguồn vốn, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính và các địa phương rà soát, đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh danh mục, đề xuất thứ tự ưu tiên đầu tư cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nam

Phục lục I. Thực trạng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Tình trạng pháp lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	Hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung
A	**CCN Nhà nước quản lý**			**520,8**	**71,9**	**371**	
1	CCN Đông Lễ	Phường Nam Đông Hà	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) số 191/QĐ-UBND ngày 29/7/2005	10,0	100,0	19	Chưa đầu tư
2	CCN Phường 4	Phường Đông Hà	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 29/QĐ-UBND 24/2/2012	15,5	11,6	7	Chưa đầu tư
3	CCN 9D	Phường Đông Hà	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 397/QĐ-UBND ngày 14/3/2011	33,4	13,6	6	Chưa đầu tư
4	CCN Cầu Lòn-Bàu De	Phường Quảng Trị	Chưa có quyết định phê duyệt ĐTM/GPMT	4,4	100,0	21	Chưa đầu tư
5	CCN Hải Lệ	Phường Quảng Trị	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 3476/QĐ-UBND ngày 12/9/2019	49,0	44,4	6	Chưa đầu tư
6	CCN Diên Sanh	Xã Diên Sanh	Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 2153/QĐ-STNMT ngày 21/12/2009	30,0	100,0	12	Đang triển khai đầu tư

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Tình trạng pháp lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	Hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung
7	CCN Hải Thượng	Xã Hải Lăng	Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 2821/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	25,0	64,8	14	Đang triển khai đầu tư
8	CCN Hải Chánh	Xã Nam Hải Lăng	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 300/QĐ-UBND ngày 12/2/2019	30,0	69,8	8	Chưa đầu tư
9	CCN Ái Tử	Xã Triệu Phong	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 2027/QĐ-UBND ngày 28/9/2011	15,0	100,0	10	Đã có đầu tư hệ thống nhưng chưa hoàn thiện, không sử dụng được
10	CCN Đông Ái Tử	Xã Triệu Phong	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 1845/QĐ-UBND ngày 14/10/2013	34,6	95,0	22	Đang triển khai đầu tư giai đoạn 1
11	CCN Cam Thành	Xã Cam Lộ	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 3169/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	25,5	88,5	23	Chưa đầu tư
12	CCN Cam Hiếu	Xã Hiếu Giang	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 746/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	70,5	53,8	29	Chưa đầu tư

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Tình trạng pháp lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	Hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung
13	CCN Cam Tuyền	Xã Cam Lộ	Chưa có quyết định phê duyệt ĐTM/GPMT	54,0	20,9	12	Chưa đầu tư
14	CCN Cửa Tùng	Xã Cửa Tùng	Giấy phép môi trường số 3315/GPMT-UBND ngày 22/12/2022	9,0	100,0	4	Đang triển khai đầu tư
15	CCN Krôngklang	Xã Hướng Hiệp	Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 795/QĐ-UBND ngày 15/5/2013	16,2	12,1	8	Đang triển khai đầu tư
16	CCN Hướng Tân	Xã Khe Sanh	Chưa có quyết định phê duyệt ĐTM/GPMT	12,5	79,4	3	Đã có đầu tư hệ thống nhưng chưa hoàn thiện, không sử dụng được
17	CCN Thuận Đức	Phường Đồng Sơn	Quyết định thành lập số 751/QĐ-UBND ngày 24/3/2015; Giấy phép môi trường số 219/ GPMT-UBND ngày 23/12/2025	20,2	95,0	18	Đã đầu tư, đang vận hành

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Tình trạng pháp lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	Hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung
18	CCN Bắc Nghĩa	Phường Đồng Sơn	Quyết định thành lập số 748/QĐ-UBND ngày 24/3/2015; Quyết định ĐTM số 3098/QĐ-UBND ngày 01/12/2008	10,2	92,1	22	Chưa đầu tư
19	CCN Nghĩa Ninh	Phường Đồng Sơn	Quyết định thành lập số 750/QĐ-UBND ngày 24/3/2015; Quyết định ĐTM số 2160/QĐ-UBND ngày 09/9/2013	10,1	94,9	15	Chưa đầu tư
20	CCN Phú Hải	Phường Đồng Hới	Quyết định thành lập số 747/QĐ-UBND ngày 24/3/2015; Quyết định ĐTM số 4994/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	2,5	99,5	20	Chưa đầu tư
21	CCN Lộc Ninh	Phường Đồng Thuận	Quyết định ĐTM số 2783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	16,2	0,0	0	Chưa đầu tư
22	CCN Tiến Hóa	Xã Tuyên Hóa	Quyết định ĐTM số 3843/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	17,4	100,0	3	Đang đầu tư, chưa vận hành
23	CCN Lưu Thuận	Xã Đồng Lê	Chưa có quyết định thành lập; chưa có quyết định phê duyệt ĐTM	3,1	100,0	3	Chưa đầu tư

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Tình trạng pháp lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	Hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung
24	CCN thị trấn Quán Hàu	Xã Quảng Ninh	Chưa có quyết định thành lập; Quyết định ĐTM số 785/QĐ-UBND ngày 24/4/2008	3,2	100,0	5	Đã có đầu tư hệ thống nhưng chưa hoàn thiện, không sử dụng được
25	CCN Cảnh Dương	Xã Hòa Trạch	Chưa có quyết định thành lập; chưa có quyết định phê duyệt ĐTM	3,5	100,0	57	Chưa đầu tư
26	CCN Yên Hóa	Xã Minh Hóa	Chưa có quyết định thành lập; chưa có quyết định phê duyệt ĐTM	5,9	68,6	1	Chưa đầu tư
27	CCN Hồng Hóa	Xã Minh Hóa	Chưa có quyết định thành lập; chưa có quyết định phê duyệt ĐTM	5,9	91,5	1	Chưa đầu tư
B	**CCN xã hội hóa**						
28	CCN Gio Linh của Công ty TNHH Hạ tầng CN xanh Quảng Trị	Xã Gio Linh	Quyết định thành lập số 1205/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	24,3	0,0	Chưa hoạt động	Chưa đầu tư

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Tình trạng pháp lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	Hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung
29	CCN Cam Thành mở rộng của Liên danh Công ty CP đầu tư Bất động sản Thành Phương QT và Công ty TNHH XD Nguyên Hưng	Xã Cam Lộ	Quyết định thành lập số 1826/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	30,0	0,0	Chưa hoạt động	Chưa đầu tư
30	CCN Cam Hiếu 2 của Liên danh Công ty CP đầu tư Bất động sản Thành Phương QT và Công ty TNHH XD Nguyên Hưng	Xã Hiếu Giang	Quyết định thành lập số 2258/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	50,0	0,0	Chưa hoạt động	Chưa đầu tư
31	CCN Cam Tuyền 2, xã Hiếu Giang của Liên danh Công ty CP đầu tư Bất động sản Thành Phương QT và Công ty TNHH XD Nguyên Hưng	xã Hiếu Giang (xã Cam Tuyền cũ)	Quyết định thành lập số 2256/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	50,0	0,0	Chưa hoạt động	Chưa đầu tư

Phụ lục II. Danh mục các dự án đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

STT	Tên CCN	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Tiến độ
1	CCN Lộc Ninh	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	9.897	2026 - 2028
2	CCN Đông Lễ	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	6.326,5	2026 - 2028
3	CCN Đông Ái Tử	Hoàn thiện, nâng cấp và đưa vào vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung	2.048	2026 - 2028
4	CCN Ái Tử	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	9.824,2	2026 - 2028
5	CCN Cam Hiếu	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	17.311,7	2026 - 2028
6	CCN Hải Chánh	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	13.130	2026 - 2028
7	CCN Hải Lệ	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	16.250	2026 - 2028
8	CCN Krông Klang	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	10.151,6	2026 - 2028
9	CCN 9D	Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải	9.362,6	2029 - 2030
	Tổng cộng		**94.301,6**	

Phụ lục III. Danh mục các cụm công nghiệp không ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

STT	Tên CCN	Kiến nghị
1	CCN Cầu Lòn – Bàu De	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đề nghị hoàn thành thủ tục pháp lý.
2	CCN Cam Tuyền	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đề nghị hoàn thành thủ tục pháp lý.
3	CCN Hướng Tân	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đề nghị hoàn thành thủ tục pháp lý.
4	CCN Hồng Hoá	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đề nghị hoàn thành thủ tục pháp lý.
5	CCN Yên Hoá	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đề nghị hoàn thành thủ tục pháp lý.
6	CCN Cảnh Dương	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đề nghị hoàn thành thủ tục pháp lý.
7	CCN Lưu Thuận	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đề nghị hoàn thành thủ tục pháp lý.
8	CCN Cam Thành	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận

STT	Tên CCN	Kiến nghị
9	CCN Phường 4	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận
10	CCN Bắc Nghĩa	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận
11	CCN Phú Hải	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận
12	CCN Nghĩa Ninh	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận
13	CCN Quán Hàu	Các cơ sở thứ cấp phải tự đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận